

Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp - CTCP (BCM: HOSE)

Ngày báo cáo: 04/08/2025
Ngành: BẤT ĐỘNG SẢN
CVPTCC: Ngô Thị Kim Thanh
Email: thanhntk@ssi.com.vn
Tel: +84-28 3636 3688 ext. 3053

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**
Giá mục tiêu 1Y: **89.900 Đồng**
Giá cổ phiếu 04/08/2025: 71.000 Đồng
% Tăng giá: **+26,6%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 2.832
Giá trị vốn hoá (tỷ đồng): 74.210
Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 1.035
KLGD trung bình 3 tháng (cp): 620.889
Giá cao/thấp nhất 52T (VNĐ): 81,8/52
TGTD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 39,3
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 2,13
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 95,44

Diễn biến giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Thông tin cơ bản về công ty

Becamex IDC được thành lập vào năm 1976 và cổ phần hóa vào năm 2018. Mạng kinh doanh chính của công ty là phát triển khu công nghiệp và khu đô thị tại tỉnh Bình Dương. Trong hơn 40 năm qua, Becamex IDC đã trở thành thương hiệu uy tín hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị và hạ tầng giao thông. Ngoài ra, Becamex còn hợp tác với Sembcorp thành lập liên doanh có tên là VSIP (BCM sở hữu 49% cổ phần) để phát triển VSIP Bình Dương, VSIP Hải Phòng, VSIP Bắc Ninh, VSIP Hải Dương, VSIP Nghệ An và VSIP Quảng Ngãi.

Lợi nhuận tăng trưởng mạnh chủ yếu từ hoạt động cho thuê và chuyển nhượng đất

KQKD Q2/2025 tăng mạnh nhờ mảng bất động sản và lợi nhuận từ liên doanh. BCM ghi nhận KQKD Q2/2025 ấn tượng với doanh thu và lợi nhuận ròng thuộc cổ đông công ty mẹ (NPATMI) lần lượt đạt 2,5 nghìn tỷ đồng (+116% svck) và 1,4 nghìn tỷ đồng (+272% svck), được thúc đẩy bởi hoạt động cho thuê đất khu công nghiệp và chuyển nhượng đất tại Bình Dương cũng như lợi nhuận từ liên doanh tăng mạnh, đặc biệt từ VSIP. Kết quả khả quan này đã giúp lợi nhuận trong nửa đầu năm hoàn thành 73% kế hoạch cả năm 2025 của công ty.

Đẩy nhanh chuyển nhượng đất tại Thành phố mới Bình Dương giai đoạn 2025–2026. BCM dự kiến chuyển nhượng 20 ha đất bất động sản nhà ở cho các chủ đầu tư thứ cấp, được hỗ trợ bởi tiến độ xây dựng nhanh và nâng cấp hạ tầng sau khi khu vực này được sáp nhập hành chính vào TP. Hồ Chí Minh trong năm 2025.

Đóng góp từ khu công nghiệp mở rộng và liên doanh. Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng dự kiến đi vào hoạt động vào cuối năm 2025, mang lại doanh thu dự báo 1,55 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra, các liên doanh VSIP và BWID dự kiến đóng góp 2,1 nghìn tỷ đồng lợi nhuận (+7% svck).

Luận điểm đầu tư. BCM duy trì vị thế là nhà phát triển khu công nghiệp hàng đầu tại Việt Nam, được hỗ trợ bởi quỹ đất lớn và tăng trưởng ổn định từ các liên doanh - đặc biệt là VSIP, dự kiến đạt mức tăng 2 chữ số đến năm 2026. Chúng tôi duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN** với giá mục tiêu **89.900 đồng/cổ phiếu**, tương đương tiềm năng tăng giá là 27%.

Tỷ đồng	2021	2022	2023	2024	2025F
Doanh thu	6.990	6.527	7.882	5.239	6.842
Lợi nhuận gộp	3.221	2.757	3.634	3.498	3.406
Lợi nhuận hoạt động ròng	2.216	1.773	2.806	2.589	3.040
EBITDA	2.698	2.889	3.799	4.115	4.683
EBIT	2.512	2.773	3.604	3.853	4.415
Lợi nhuận trước thuế	1.744	1.894	2.698	2.559	3.040
Lợi nhuận ròng	1.457	1.714	2.280	2.395	2.728
EPS (VND)	1.187	1.628	2.187	2.010	2.448
BVPS (VND)	16.565	15.737	18.810	19.970	20.569
DPS (VND)	800	800	800	800	800
ROA	2,98%	2,69%	4,27%	4,07%	4,76%
ROE	8,50%	12,84%	11,71%	11,58%	12,74%
Tỷ suất cổ tức (%)	3,01%	0,84%	1,37%	1,37%	1,12%
Tổng VCSH	17.145	17.945	19.472	20.679	25.665
Tổng tài sản	48.952	47.864	53.423	58.780	59.368
Nợ	16.635	15.886	19.716	23.627	22.832
D/E	0,97	0,89	1,01	1,14	0,89
P/E	68,1	49,6	25,3	29,2	29,3
P/B	4,9	5,1	3,2	3,0	3,5

Nguồn: BCM, SSI Research

Tỷ đồng	1H25	1H24	YoY	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận	
					1H25	1H24
Doanh thu thuần	4.363	1.967	121,8%	45,9%		
Lợi nhuận gộp	2.513	1.210	107,7%		57,6%	27,7%
Lợi nhuận hoạt động	2.078	365	469,3%		47,6%	8,4%
EBIT	2.658	968	174,6%		60,9%	22,2%
EBITDA	2.775	1.091	154,4%		63,6%	25,0%
Lợi nhuận trước thuế	2.048	371	452,0%	75,9%	46,9%	8,5%
Lợi nhuận ròng	1.833	406	351,5%		42,0%	9,3%
Lợi nhuận ròng thuộc cổ đông công ty mẹ	1.824	391	366,5%		41,8%	9,0%

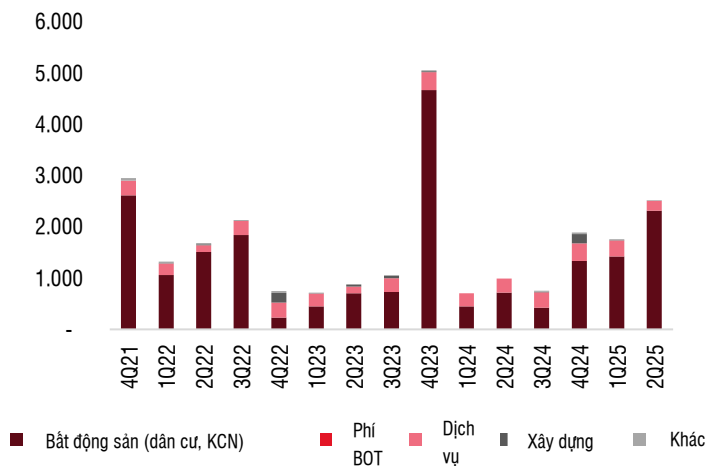
Nguồn: BCM, SSI Research

Cập nhật KQKD Q2/2025

Trong Q2/2025, doanh thu và NPATMI của BCM lần lượt đạt 2,5 nghìn tỷ đồng (+116% svck) và 1,4 nghìn tỷ đồng (+272% svck).

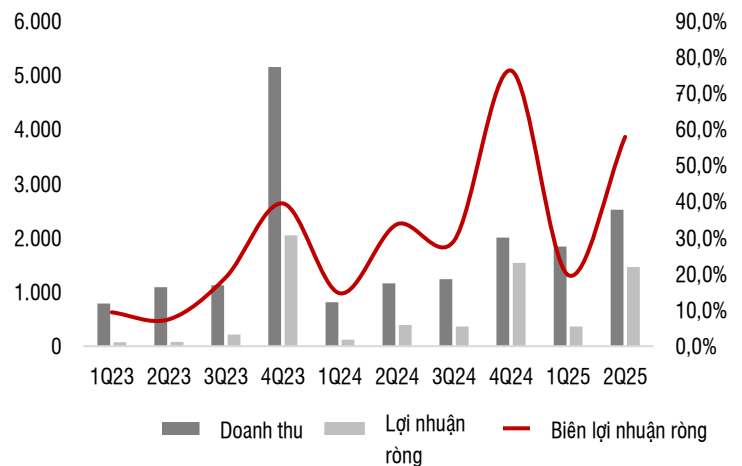
- Bất động sản nhà ở và khu công nghiệp** – chiếm 91% tổng doanh thu, đạt 2.319 tỷ đồng (+223% svck). Động lực tăng trưởng bao gồm: (1) Mảng khu công nghiệp ghi nhận doanh thu đạt khoảng 1,5 nghìn tỷ đồng, chủ yếu nhờ cho thuê 45,74 ha đất cho BW Bàu Bàng 06 với mức giá thuê 135 USD/m2/chu kỳ thuê; (2) Doanh thu chuyển nhượng đất tại Thành phố mới Bình Dương và dự án khu dân cư Bàu Bàng mở rộng đạt 804 tỷ đồng.
- Doanh thu dịch vụ**, bao gồm quản lý và bảo trì khu công nghiệp, cung cấp điện và nước sạch cho khách thuê, chiếm 6% tổng doanh thu (190 tỷ đồng, -30% svck) do hoạt động sản xuất tại các doanh nghiệp ngành gỗ chậm lại trong Q2/2025.

Doanh thu theo mảng hoạt động của BCM



Nguồn: BCM, SSI Research

Doanh thu, lợi nhuận ròng (tỷ đồng) và biên lợi nhuận ròng (%) giai đoạn Q1/2023 - Q2/2025



Biên lợi nhuận gộp đạt mức ấn tượng 72,6% (-1% svck) chủ yếu nhờ biên lợi nhuận cao từ dự án khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng. Dự án này ghi nhận biên lợi nhuận đạt 74% nhờ chi phí đền bù và sử dụng đất thấp. Dự án Thành phố mới Bình Dương và dự án tái khu dân cư Bàu Bàng đạt biên lợi nhuận 68%.

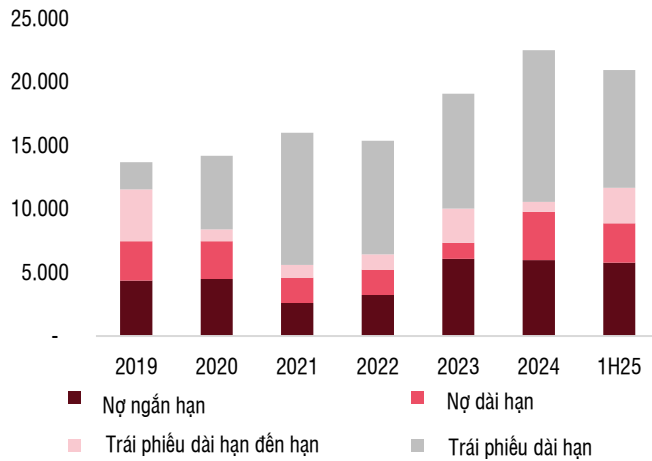
Lợi nhuận từ liên doanh và công ty liên kết trong Q2/2025 đạt 603 tỷ đồng (+32% svck), chủ yếu đến từ liên doanh VSIP (BCM sở hữu 49%). Đáng chú ý, khu công nghiệp VSIP 3 ghi nhận diện tích cho thuê mới tăng 50% svck, đạt 70 ha, với mức giá thuê trung bình đạt 145 USD/m²/chu kỳ thuê (+5% svck).

Ngoài ra, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm mạnh 56% svck, chủ yếu do chi phí thuê ngoài giảm.

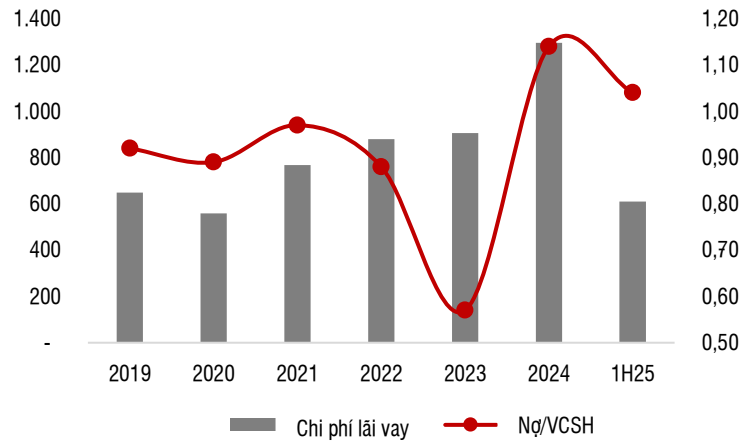
Trong Q2/2025, BCM ghi nhận 2,97 nghìn tỷ đồng trái phiếu đến hạn (+47% svck), trong đó chủ yếu là trái phiếu của Smartinvest với gần 2 nghìn tỷ đồng. Đồng thời, dư nợ trái phiếu đạt mức 12,3 nghìn tỷ đồng (+3,3% svck). Phần lớn các trái phiếu này được đảm bảo bằng bất động sản và cổ phần tại các công ty liên doanh, liên kết.

Lũy kế nửa đầu năm 2025, doanh thu thuần đạt 4,3 nghìn tỷ đồng (gấp 1,2 lần svck), trong khi lợi nhuận ròng đạt 1,82 nghìn tỷ đồng (+351% svck), lần lượt hoàn thành 46% và 75% kế hoạch năm của công ty.

Vốn ngắn hạn và dài hạn của BCM (tỷ đồng)



Chi phí lãi vay (tỷ đồng) và Nợ/VCSH (x) giai đoạn 2019-6T2025



Nguồn: BCM, SSI Research

Triển vọng

Chúng tôi dự báo doanh thu và lợi nhuận ròng trong nửa cuối năm 2025 sẽ lần lượt đạt 2,4 nghìn tỷ đồng (-24% svck) và 1,2 nghìn tỷ đồng (-37% svck). Theo đó, chúng tôi dự báo doanh thu và lợi nhuận sau thuế cả năm 2025 lần lượt đạt 6,8 nghìn tỷ đồng (+30% svck) và 2,7 nghìn tỷ đồng (+18% svck). Các động lực tăng trưởng chính bao gồm:

- (1) **Bất động sản nhà ở:** Chúng tôi giả định BCM sẽ chuyển nhượng 20 ha đất cho các chủ đầu tư thứ cấp dựa trên các biên bản ghi nhớ (MOU) đã ký. Trong chuyến khảo sát tại Thành phố mới Bình Dương, chúng tôi ghi nhận tiến độ xây dựng nhanh tại các dự án hợp tác với các đối tác như Becamex Tokyu, CapitalLand và Gamuda. Việc sáp nhập hành chính vào TP. Hồ Chí Minh gần đây đã thúc đẩy nâng cấp hạ tầng khu vực. Do đó, chúng tôi lạc quan về các hợp đồng chuyển nhượng sắp tới tại Thành phố mới Bình Dương. Doanh thu và lợi nhuận gộp dự kiến lần lượt đạt 3,7 nghìn tỷ đồng (+17% svck) và 1,2 nghìn tỷ đồng (+18% svck).
- (2) **Khu công nghiệp:** Dự án khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng sẽ bắt đầu đi vào hoạt động vào cuối năm 2025, với tổng diện tích cho thuê dự kiến đạt 47 ha, và mức giá thuê khoảng 135 USD/m²/chu kỳ thuê.

Doanh thu từ các khu công nghiệp dự kiến đạt 1,55 nghìn tỷ đồng, với lợi nhuận gộp khoảng 1.08 nghìn tỷ đồng.

- (3) **Lợi nhuận từ liên doanh:** Chúng tôi dự báo lợi nhuận từ các liên doanh đạt 2,1 nghìn tỷ đồng (+7% svck). Trong đó, VSIP đóng góp 1,9 nghìn tỷ đồng (+7% svck), chủ yếu từ việc cho thuê 210 ha đất (+5% svck) và giá thuê trung bình tăng 5% svck tại các khu công nghiệp như VSIP 3 (Bình Dương), VSIP Bắc Ninh 2, VSIP Hải Phòng, và VSIP Nghệ An 2. Ngoài ra, liên doanh BWID dự kiến ghi nhận 100 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế trong năm 2025 (+100% svck).

Tỷ đồng	2021	2022	2023	2024	2025F
Doanh thu	6.990	6.527	7.882	5.239	6.842
Lợi nhuận gộp	3.221	2.757	3.634	3.498	3.406
Lợi nhuận hoạt động ròng	2.216	1.773	2.806	2.589	3.040
EBITDA	2.698	2.889	3.799	4.115	4.683
EBIT	2.512	2.773	3.604	3.853	4.415
Lợi nhuận trước thuế	1.744	1.894	2.698	2.559	3.040
Lợi nhuận ròng	1.457	1.714	2.280	2.395	2.728
EPS (VND)	1.187	1.628	2.187	2.010	2.448
BVPS (VND)	16.565	15.737	18.810	19.970	20.569
DPS (VND)	800	800	800	800	800
ROA	2,98%	2,69%	4,27%	4,07%	4,76%
ROE	8,50%	12,84%	11,71%	11,58%	12,74%
Tỷ suất cổ tức (%)	3,01%	0,84%	1,37%	1,37%	1,12%
Tổng VCSH	17.145	17.945	19.472	20.679	25.665
Tổng tài sản	48.952	47.864	53.423	58.780	59.368
Nợ	16.635	15.886	19.716	23.627	22.832
D/E	0,97	0,89	1,01	1,14	0,89
P/E	68,1	49,6	25,3	29,2	29,3
P/B	4,9	5,1	3,2	3,0	3,5

Nguồn: BCM, SSI Research

Luận điểm đầu tư

Becamex IDC (HOSE: BCM) là 1 trong những nhà phát triển khu công nghiệp hàng đầu tại Việt Nam với lợi thế về quỹ đất lớn gồm 812 ha đất khu công nghiệp và 452 ha đất thương mại tại Thành phố mới Bình Dương — đều sở hữu 100%. Ngoài ra, liên doanh VSIP được kỳ vọng sẽ đạt mức tăng trưởng 2 chữ số trong giai đoạn 2025–2026.

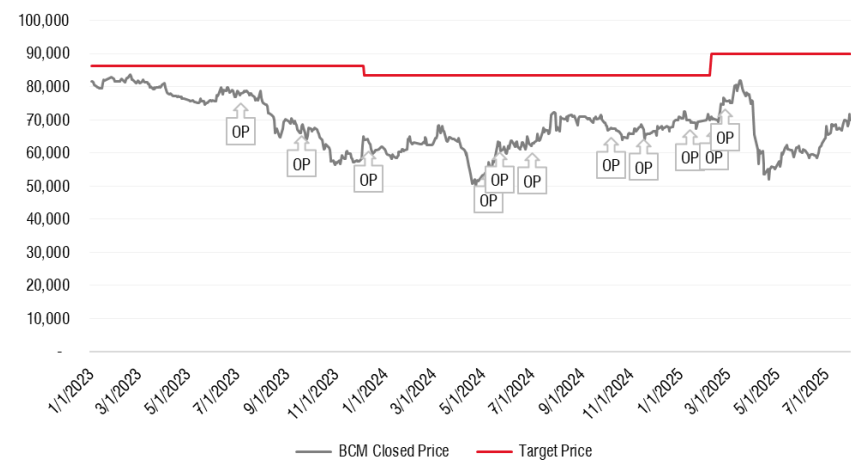
Với yếu tố cơ bản vững chắc, chúng tôi duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN đối với cổ phiếu BCM, với giá mục tiêu 89.900 đồng/cổ phiếu, tương đương tiềm năng tăng giá là 27%. Trong ngắn hạn, tâm lý thị trường dự kiến được hỗ trợ bởi các diễn biến liên quan đến chuyển nhượng đất tại Thành phố mới Bình Dương.

Tuy nhiên, chúng tôi vẫn thận trọng trước những rủi ro về dòng tiền có thể phát sinh từ nhu cầu vốn tại các liên doanh.

Rủi ro chính

- Thanh khoản thấp tại Thành phố Mới Bình Dương.
- Việc triển khai các khu công nghiệp mới không đúng tiến độ do các thủ tục pháp lý và chi phí bồi thường cao
- Lãi suất tăng - nếu lãi suất tăng 1%, chi phí lãi vay của BCM sẽ tăng khoảng 151 tỷ đồng (tương đương 6,3 triệu USD), chiếm khoảng 5% lợi nhuận sau thuế.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.071	1.332	2.210	2.321
+ Đầu tư ngắn hạn	436	87	294	265
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	5.315	7.024	8.066	8.631
+ Hàng tồn kho	20.861	19.833	21.206	23.685
+ Tài sản ngắn hạn khác	168	163	56	181
Tổng tài sản ngắn hạn	27.851	28.440	31.883	35.082
+ Các khoản phải thu dài hạn	570	533	243	520
+ GTCL Tài sản cố định	1.244	1.159	1.050	1.198
+ Bất động sản đầu tư	425	2.535	2.674	2.674
+ Tài sản dài hạn dở dang	1.893	3.191	3.046	2.212
+ Đầu tư dài hạn	15.884	17.226	19.488	21.437
+ Tài sản dài hạn khác	423	338	441	4.631
Tổng tài sản dài hạn	20.438	24.983	26.943	20.972
Tổng tài sản	48.290	53.423	58.826	56.054
+ Nợ ngắn hạn	18.642	22.997	21.453	19.478
Trong đó: vay ngắn hạn	4.951	9.385	7.903	9.049
+ Nợ dài hạn	11.703	10.952	16.844	10.911
Trong đó: vay dài hạn	10.936	10.331	15.724	13.783
Tổng nợ phải trả	30.344	33.951	38.297	30.389
+ Vốn góp	10.350	10.350	10.350	13.350
+ Thặng dư vốn cổ phần	12	12	12	12
+ Lợi nhuận chưa phân phối	5.161	6.303	6.606	9.320
+ Quỹ khác	2.422	2.074	2.594	2.983
Vốn chủ sở hữu	17.945	19.472	20.529	25.665
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	48.290	53.423	58.826	56.054
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	518	-3.150	-777	1.656
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-880	472	-1.158	1.409
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-1.538	2.939	2.813	-2.435
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-1.900	261	878	631
Tiền đầu kỳ	2.985	1.070	1.331	2.209
Tiền cuối kỳ	1.085	1.331	2.209	2.840
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,49	1,24	1,49	1,80
Hệ số thanh toán nhanh	0,37	0,37	0,50	0,59
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,06	0,06	0,10	0,12
Nợ ròng / EBITDA	5,00	4,84	5,35	4,38
Khả năng thanh toán lãi vay	3,15	3,98	2,86	3,21
Ngày phải thu	298,2	312,5	566,7	460,4
Ngày phải trả	32,0	23,7	17,1	27,7
Ngày tồn kho	2,019,5	1,627,5	4,295,3	2,537,9
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,37	0,36	0,35	0,46
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,39	0,43	0,36	0,35
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,69	1,74	1,87	1,18
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,89	1,01	1,15	0,89
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,28	0,48	0,38	0,35

Nguồn: BCM, SSI dự báo

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	6.506	8.203	5.195	6.842
Giá vốn hàng bán	-3.770	-4.448	-1.802	-3.406
Lợi nhuận gộp	2.736	3.755	3.393	3.436
Doanh thu hoạt động tài chính	74	88	95	103
Chi phí tài chính	-880	-905	-1.309	-1.374
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-764	-868	-1.062	-728
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-536	-583	-675	-608
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.773	2.836	2.468	3.040
Thu nhập khác	121	-108	0	0
Lợi nhuận trước thuế	1.895	2.730	2.451	3.040
Lợi nhuận ròng	1.714	2.314	2.309	2.728
Lợi nhuận chia cho cổ đông	1.685	2.441	2.105	2.534
Lợi ích của cổ đông thiểu số	29	-143	204	194
EPS cơ bản (VND)	1.628	2.341	2.034	2.448
Giá trị sổ sách (VND)	16.360	18.810	19.970	20.569
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	800	800	800	800
EBIT	2.774	3.604	3.744	4.415
EBITDA	2.964	3.799	4.006	4.683
Tăng trưởng				
Doanh thu	-6,8%	26,1%	-36,7%	31,7%
EBITDA	8,0%	28,2%	5,4%	16,9%
EBIT	8,4%	29,9%	3,9%	17,9%
Lợi nhuận ròng	14,0%	35,0%	-0,2%	18,1%
Vốn chủ sở hữu	4,7%	8,5%	5,4%	25,0%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	-1,4%	10,6%	10,1%	-4,7%
Định giá				
P/E	49,5	25,3	29,2	29,3
P/B	4,9	3,2	3,0	3,5
Giá/Doanh thu	12,8	7,5	11,8	11,3
Tỷ suất cổ tức	1,0%	1,3%	1,2%	1,1%
EV/EBITDA				
EV/Doanh thu				
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	42,1%	45,8%	65,3%	50,2%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	-717,8%	34,6%	47,5%	44,4%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	26,3%	28,2%	44,4%	39,9%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	11,7%	10,6%	20,4%	10,6%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	8,2%	7,1%	13,0%	8,9%
ROE	9,8%	11,7%	11,6%	12,7%
ROA	3,5%	4,6%	3,6%	4,5%
ROIC	6,506	8,203	5,195	6,842

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3824 2897 ext. 6732

Phân tích Ngành Bất động sản

Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp

thanhntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28)3824 2897 ext. 6735

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702